

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/09/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Anh Đức

- Bà Đào Đắc Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M. Đ., sinh năm 1984; (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 70 ấp k., xã Th. Ph., huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn V., sinh năm 1987; (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H. Đ., xã H. T. 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 17 tháng 02 năm 2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Đ. trình bày:

Bà Nguyễn Thị M. Đ. và ông Trần Văn V. kết hôn năm 2017, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/8/2018. Sau khi kết hôn, bà Đồng và ông Vũ chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đời sống chung không thể hòa hợp, thường xảy ra cự cãi, không đồng quan điểm nên tình cảm ngày càng phai nhạt không hạnh phúc. Nay bà Nguyễn Thị M. Đ. yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn V..

- Về con chung: Thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị M. Đ. và ông Trần Văn V. có một người con chung tên Trần Nguyễn A. H., sinh ngày 23/7/2018, hiện đang ở cùng bà Đồng. Bà Nguyễn Thị M. Đ. yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Nguyễn A. H., sinh ngày 23/7/2018 đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Vũ Cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Trần Văn V.: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Trần Văn V. vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Đ. và bị đơn ông Trần Văn V. đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trần Văn V. vắng mặt không có lý do nên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn V..

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Nguyễn Thị M. Đ. được ly hôn với ông Trần Văn V.. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trần Nguyễn A. H., sinh

ngày 23/7/2018 cho bà Nguyễn Thị M. Đ. tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị M. Đ. không yêu cầu ông Trần Văn V. cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị M. Đ. và ông Trần Văn V. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trần Văn V. vắng mặt, không có lý do và Bà Nguyễn Thị M. Đ. có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn V. và bà Nguyễn Thị M. Đ..

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M. Đ. và ông Trần Văn V. tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/8/2018, được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 157 ngày 14/8/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M. Đ. và ông Trần Văn V. là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị M. Đ. yêu cầu ly hôn do từ năm 2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng ý kiến, trong cuộc sống vợ chồng thường hay cãi vã với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị M. Đ. và ông Trần Văn V. đến nay đã không thể giải quyết được, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Nguyễn Thị M. Đ. và ông Trần Văn V. đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M. Đ..

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M. Đ. và ông Trần Văn V. có một con chung tên Trần Nguyễn A. H., sinh ngày 23/7/2018 hiện nay đang ở với bà Đồng và bà Đồng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn A. H.. Hội đồng xét xử

xét thấy nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chung, để con chung được phát triển tốt về thể chất và tinh thần thì cần thiết giao cho bà Nguyễn Thị M. Đ. được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn A. H., sinh ngày 23/7/2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn V. được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Đ. phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định. Bị đơn ông Trần Văn V. không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Đ. đối với ông Trần Văn V..

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M. Đ. được ly hôn với ông Trần Văn V..

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị M. Đ. được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn A. H., sinh ngày 23/7/2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn V. được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị M. Đ. không yêu cầu ông Trần Văn V. cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M. Đ. phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009890 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Nguyễn Thị M. Đ. đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Thạnh Phú.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn